

Bản án số: 13 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 05 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý A Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Mỹ Lệ;

2. Bà Sùng Thị Mỹ;

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Đà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: ông Lý A Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/ TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Sùng Thị P, sinh năm 1999; Trú tại: bản C, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Lù A G, sinh năm 1995; Trú tại: bản C, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng chị Sùng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh G chung sống như vợ chồng từ năm 2017, trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc và có tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, đến ngày 13/7/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống với nhau chị P cho rằng anh G hay có quan hệ ngoại tình, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và có hành vi bạo lực chị P nên chị P và anh G đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị P cảm tình cảm vợ chồng với anh G không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chưa có

Về tài Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh L A G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thừa nhận xác lập mối quan hệ hôn nhân như chị P đã trình bày.

Tuy nhiên anh G cho rằng trong thời gian chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2018 hai vợ chồng đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh đến cuối tháng 2/2024 cùng nhau về nhà ăn tết, ăn tết xong chị P đi trước, anh G ở lại giúp bố mẹ làm ruộng và làm nhà, chị P đi được một vài hôm thì có gọi điện chửi anh G không có lý do, đến ngày 01/3/2024 anh G đi gặp chị P để nói chuyện, nhưng khi gặp được chị P anh G lấy điện thoại của chị P để truy cập thì tự dưng chị P lại đánh, chửi anh G, lúc đó anh Giàng n một người vợ tự dưng lại đánh mình nên anh G đã tát chị P một cái và đập vỡ 02 chiếc điện thoại một cái là của anh G, một cái là của chị P, sau khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng cũng đã ngỗ nói chuyện và bỏ qua cho nhau, nhưng hôm sau thì chị gái của chị P có đến chỗ chị P và dẫn chị P đi, kể từ đó đến giờ anh G và chị P không còn gặp được nhau nữa. Nay anh G nhận thấy hai vợ chồng đã chung sống với nhau được một thời gian dài và xác định vẫn còn tình cảm với chị P nên đề nghị Tòa án giải quyết về chung sống đoàn tụ.

Về con chung: Chưa có

Về tài Tài sản chung: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết, anh G cũng không có yêu cầu, cũng như không có yêu cầu phản tố.

Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2024 tại UBND xã N thể hiện:

Chị Sùng Thị P và anh L A G chung sống chung như vợ chồng từ năm 2017, khi về chung sống có tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, đến ngày 13/7/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái.

Cưới nhau được khoảng hai năm thì chị P và anh G thường xuyên đi làm ăn xa, thi thoảng mới trở về địa phương, trong khoản thời gian chung sống tại địa phương thì không thấy chị P và anh G có mâu thuẫn gì lớn.

Tuy nhiên đến năm 2019 thì anh L A G phạm tội giao cấu với trẻ em và bị xử 02 năm tù, đến 20/7/2021 thì chấp hành xong và trở về địa phương, khi trở về địa phương được một thời gian ngắn thì anh G lại đi làm thuê. Đến khoảng tháng 03/2024 đến nay thì chỉ thấy anh G ở nhà, còn chị P không rõ đi làm thuê hay đi đâu, chỉ nghe nói là đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh, không thấy về nhà nữa.

Hiện anh G và chị P chưa có con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật; tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh G và miễn án phí cho đương sự theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện M, quan hệ tranh chấp là ly hôn. Do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống anh G và chị P có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau; anh G có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác đã được thể hiện trong bản án hình sự sơ thẩm số 43 ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; có hành vi bạo lực gia đình cụ thể là đã tát chị P ít nhất 01 lần và được chính anh G thừa nhận; bản thân chị P và anh G đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Từ những lý do trên Hội đồng xét xử xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh G.

[3] Về con chung: Chưa có nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: nguyên đơn chị Sùng Thị P là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó cần Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị P.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị P, xử cho chị P được ly hôn anh L A Giàng .

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị P.

3. Về quyền kháng cáo: anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Có;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý A H